

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PỜ TÓ

Số 7 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pờ Tó, ngày 16 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG năm 2025 tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 của HĐND xã Pờ Tó

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Pờ Tó

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 125/2025NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BDTTG ngày 24/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND xã về việc bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân DTTS&MN năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND xã về việc bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

UBND xã kính trình Hội đồng nhân dân xã Pờ Tó Khóa XIII – Kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu

quốc gia năm 2025, cụ thể như sau:

I. Căn cứ điều chỉnh

- Thực hiện theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- Thẩm quyền theo điểm b¹, Khoản 1, Điều 52 Luật ngân sách nhà nước năm 2025.

II. Nội dung điều chỉnh vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG năm 2025 tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 của HĐND xã Pờ Tó, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND xã: **4.506,352 triệu đồng.**

- Điều chỉnh tăng vốn do tỉnh điều chỉnh và bổ sung thêm cho xã theo Quyết định 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai: Điều chỉnh tổng thể tăng: 1.427,095 triệu đồng.

- Tổng vốn sau điều chỉnh: **5.933,447 triệu đồng.**

(Chi tiết từng dự án có phụ lục 01 kèm theo)

2. Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ theo Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND xã: **1.472,0 triệu đồng.**

- Điều chỉnh tăng vốn do tỉnh điều chỉnh và bổ sung thêm cho xã theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai: Điều chỉnh tổng thể tăng: 600 triệu đồng.

- Tổng vốn sau điều chỉnh: **2.072 triệu đồng.**

(Chi tiết từng dự án có phụ lục 02 kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã Pờ Tó Khóa XIII – Kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) xem xét, quyết nghị./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kinh tế ngân sách;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hùng

¹ b) Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

BIỂU ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN DTTS&MN NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Pờ Tó)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Tên dự án	Vốn đã phân bổ theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025			Nội dung điều chỉnh Tăng (+); Giảm (-) theo Quyết định 1937/QĐ-UBND tỉnh				Vốn năm 2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó		Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó			Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó				
			NSTW	NSDP		NSTW	NST	NS xã		NSTW	NST	NS xã		
	Tổng kinh phí	4.506,352	4.288,738	217,614	1.427,095	1.356,553	71,459	-0,917	5.933,447	5.645,291	71,459	216,697		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	121,0	121,0	0	0	0		0	121,0	121,0		0		
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	70,0	70,0	0					70,0	70,0		0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	51,0	51,0	0					51,0	51,0		0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tó)	87,0	87,0	0	-87,0	-87,0		0	0	0		0		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.724,3	2.643,6	80,7	224,295	147,639	71,459	5,197	2.948,595	2.791,239	71,459	85,897		
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	1.248,0	1.248,0	0	-1.248,0	-1.248,0		0	0	0		0		
3.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	1.476,3	1.395,6	80,7	1.472,295	1.395,639	71,459	5,197	2.948,595	2.791,239	71,459	85,897	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	Có thuyết minh nội dung thực hiện hỗ trợ kèm theo
3.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	0,0	0,0	0,0										
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	743,0	640,0	103,0	1.499,3	1.499,3	0	0	2.242,3	2.139,3	0,0	103,0		
4.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS&MN	743,0	640,0	103,0	1.499,252	1.499,252		0	2.242,252	2.139,252		103,000	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	Danh mục theo PL 3
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	297,8	297,8	0	0	0	0	0	297,8	297,8		0		
5.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	41,8	41,8	0	-41,8	-41,8		0	0	0		0		

STT	Tên dự án	Vốn đã phân bổ theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025			Nội dung điều chỉnh Tăng (+); Giảm (-) theo Quyết định 1937/QĐ-UBND tỉnh				Vốn năm 2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó		Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó			Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó				
			NSTW	NSDP		NSTW	NST	NS xã		NSTW	NST	NS xã		
5,2	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	24,0	24,0		232,0	232,0			256,0	256,0		0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
5,3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	232,0	232,0	0	-232,0	-232,0		0	0	0		0		
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	298,0	272,0	26,0	0	0		0	298,0	272,0		26,0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	72,780	70,00	2,780	-72,780	-70,000	0	-2,780	0	0	0	0		
7,1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	72,780	70,00	2,780	-72,780	-70,00		-2,780	0	0		0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	162,472	157,338	5,134	-136,672	-133,338	0	-3,334	25,800	24,000	0	1,800		
8,1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS&MN	136,672	133,338	3,334	-136,672	-133,338		-3,334	0	0		0		
8,2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	25,80	24,00	1,80	0	0		0	25,8	24,0		1,80	Phòng Văn hóa -XH	

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PỜ TÓ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Pờ Tó)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng vốn sự nghiệp (Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 01 tháng 08 năm 2025)				Nội dung điều chỉnh Tăng (+); Giảm (-)				Vốn sau điều chỉnh năm 2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		
	Tổng cộng	1.472,0	1.337,5	-	134,5	600,0	600,0	-	-	2.072,0	1.937,5	-	134,5		
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	589,0	536,0	-	53,0	600,0	600,0			1.189,0	1.136,0	-	53,0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	Có thuyết minh nội dung thực hiện hỗ trợ kèm theo
2	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	145,0	131,0	-	14,0	-				145,0	131,0	-	14,0		
	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>	<i>145,0</i>	<i>131,0</i>	<i>-</i>	<i>14,0</i>	<i>-</i>				<i>145,0</i>	<i>131,0</i>	<i>-</i>	<i>14,0</i>	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
3	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	665,0	604,5	-	60,5	-				665,0	604,5	-	60,5		
3.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	<i>437,0</i>	<i>398,0</i>	<i>-</i>	<i>39,0</i>	<i>-</i>				<i>437,0</i>	<i>398,0</i>	<i>-</i>	<i>39,0</i>	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
3.2	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	<i>228,0</i>	<i>206,5</i>	<i>-</i>	<i>21,5</i>	<i>-</i>				<i>228,0</i>	<i>206,5</i>	<i>-</i>	<i>21,5</i>	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	73,0	66,0	-	7,0	-				73,0	66,0	-	7,0		
4.1	<i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</i>	<i>40,0</i>	<i>36,0</i>	<i>-</i>	<i>4,0</i>	<i>-</i>				<i>40,0</i>	<i>36,0</i>	<i>-</i>	<i>4,0</i>	Phòng Kinh tế	
4.2	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	<i>33,0</i>	<i>30,0</i>	<i>-</i>	<i>3,0</i>	<i>-</i>				<i>33,0</i>	<i>30,0</i>	<i>-</i>	<i>3,0</i>	Phòng Kinh tế	

AK

Danh mục Dự án 4: Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Pờ Tó)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án duy tu, sửa chữa	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô, năng lực thiết kế (1)	Kế hoạch năm 2025		Trong đó		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	NSTW	Ngân sách xã		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG				1499,252	1499,252			
01	Duy tu, sửa chữa đường bê BTXM nội thôn 5, thôn Plei du; sửa chữa hệ thống nước tập sinh hoạt trung thôn 3 và thôn Voong Boong	Các Thôn 5, thôn Plei du; Thôn 3; Thôn Voong Boong	- Thôn 5 và thôn Plei Du sửa tổng 4 tuyến: khoản L=670m, Mương thoát nước thôn 5: 150m. - Thôn 3 và Thôn Voong Boong sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung	2025	1.499,252	1.499,252		Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	Hiện trạng: Đường BTXM đầu tư giai đoạn trước đã hư hỏng, bong tróc mặt đường gồ ghề, lề đường 2 bên bị hư hỏng do xói mòn đất lề; di chuyển gập ghềnh, ổ gà lớn, di chuyển khó khăn; - Hiện trạng: Hệ thống nước sinh hoạt tập trung 2 thôn (Thôn Voong Boong và thôn 3) đã bị hỏng. Thôn 3 giếng khoan, hệ thống điện bị hư; đã 4 tháng không có nước cấp cho nhân dân Thôn 3 (hơn 55 hộ dân dùng nước). Thôn Voong Boong hệ thống ống dẫn nước cho các hộ dân bị hỏng không cấp nước được (cho hơn 30 hộ dân). - Sửa chữa Giải quyết kiến nghị của cử tri tại xã; hoàn thiện tiêu chí số 2: Giao thông; tiêu chí 17 Sử dụng nước hợp vệ sinh.

Ghi chú: Chi tiết kế hoạch vốn dự kiến các hạng mục, cụ thể: Hạng mục Thôn 5 và thôn Plei Du sửa tổng 4 tuyến: khoản L=670m, Mương thoát nước thôn 5: 150m, số tiền: 1.160 triệu đồng; Thôn 3 và Thôn Voong Boong sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung, số tiền: 339 triệu đồng.

THUYẾT MINH

Nội dung thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo

(Kèm theo Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 16/10/2025 của UBND xã Pờ Tó)

Căn cứ vào nhu cầu của các hộ dân đề xuất, Ủy ban nhân dân xã triển khai phương án nuôi bò cái lai sinh sản¹, cụ thể:

Nội dung thực hiện: Hỗ trợ bò giống; tổ chức tập huấn; chi phí quản lý dự án; chi phí thẩm định.

Để con bò phát triển nhanh, tạo sinh kế sớm cho các hộ nghèo, cận nghèo vươn lên thoát nghèo, UBND xã dự kiến cho các nhóm xây dựng phương án bò có tuổi đời từ 18 tháng trở lên và có khối lượng 210kg, tương ứng với số tiền 1 con là 23,1 triệu đồng/con.

Đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 38/2023/NĐ-CP²: đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo theo .

Định mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án quy định tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai. Tổng kinh phí **1.189 triệu đồng**, dự kiến thành lập 03 nhóm cộng đồng, với 51 thành viên, gồm:

- Nhóm cộng đồng Thôn Bi Giông: 21 thành viên;
- Nhóm cộng đồng thôn 2 là: 10 thành viên,
- Nhóm cộng đồng thôn 5 là: 20 thành viên.

Số kinh phí hỗ trợ cho nhóm phụ thuộc vào số thành viên của nhóm: Hỗ trợ 1 con/một thành viên; đơn giá dự kiến bình quân của 1 con bò giống là 23,1 triệu đồng (110 ngàn đồng x 210kg/con = 23,1 triệu đồng).

Tổng kinh phí hỗ trợ giống bò dự kiến: 1.178,1 triệu đồng (51 thành viên * 23,1 triệu đồng/con = 1.178,1 triệu đồng)

¹ Lý do: con bò đã gắn bó với người dân bao đời nay và ít nhiều các hộ dân cũng có kinh nghiệm chăm sóc. Ngoài nguồn thức ăn tự nhiên sẵn có, người dân còn có nguồn phế phụ phẩm nông nghiệp như rơm rạ, cây ngô, dây lang, thân cây lạc, đậu, lá sắn... có thể sử dụng làm thức ăn tốt cho bò sinh sản.

Bên cạnh đó bò có sức chống chịu và khả năng đề kháng cao nên ít mắc dịch bệnh, người chăn nuôi ít bị rủi ro.

Chăn nuôi bò xuất bán dễ dàng, giá cả cao. Người dân dễ dàng đối ứng vốn thông qua công chăm sóc, tận dụng chuồng trại.

² Quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023

Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

THUYẾT MINH

Nội dung thực hiện Dự án 3-Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc CT. MTQG PTKTXH Miền núi
(Kèm theo Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 16/10/2025 của UBND xã Pờ Tó)

Căn cứ vào nhu cầu của các hộ dân đề xuất, Ủy ban nhân dân xã triển khai phương án nuôi bò cái lai sinh sản¹, cụ thể:

Nội dung thực hiện: Hỗ trợ bò giống; tổ chức tập huấn; chi phí quản lý dự án; chi phí thăm định.

Để con bò phát triển nhanh, tạo sinh kế sớm cho các hộ nghèo, cận nghèo vươn lên thoát nghèo, UBND xã dự kiến cho các nhóm xây dựng phương án bò có tuổi đời từ 18 tháng trở lên và có khối lượng 210kg.

Đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 38/2023/NĐ-CP²: Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo theo .

Định mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án quy định tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HDND tỉnh Gia Lai. Kinh phí **2.948,595 triệu đồng**, dự kiến thành lập 07 nhóm cộng đồng, với 113 thành viên, gồm:

- Nhóm cộng đồng (thôn Bình Hòa, Plei Du, Voong Boong, Đoàn kết, Bình Tây) với 13 thành viên.

- Nhóm cộng đồng thôn 1 với 19 thành viên.

- Nhóm cộng đồng thôn 5 với 21 thành viên.

- Nhóm cộng đồng thôn Bi Gia với 17 thành viên.

- Nhóm cộng đồng thôn 3 với 21 thành viên.

- Nhóm cộng đồng thôn Bi Giông với 21 thành viên.

- Nhóm cộng đồng thôn 3 với 14 thành viên.

Số kinh phí hỗ trợ cho nhóm phụ thuộc vào số thành viên của nhóm: Hỗ trợ 1 con/một thành viên; đơn giá dự kiến bình quân của 1 con bò giống là 23,1 triệu đồng (110 ngàn đồng x 210kg/con = 23,1 triệu đồng). Tổng kinh phí hỗ trợ giống bò dự kiến: 2.610,3 triệu đồng (113 thành viên * 23,1 triệu đồng/con = 2.610,3 triệu đồng)

¹ Lý do: con bò đã gắn bó với người dân bao đời nay và ít nhiều các hộ dân cũng có kinh nghiệm chăm sóc. Ngoài nguồn thức ăn tự nhiên sẵn có, người dân còn có nguồn phế phụ phẩm nông nghiệp như rơm rạ, cây ngô, dây lang, thân cây lạc, đậu, lá sắn... có thể sử dụng làm thức ăn tốt cho bò sinh sản.

Bên cạnh đó bò có sức chống chịu và khả năng đề kháng cao nên ít mắc dịch bệnh, người chăn nuôi ít bị rủi ro.

Chăn nuôi bò xuất bán dễ dàng, giá cả cao. Người dân dễ dàng đối ứng vốn thông qua công chăm sóc, tận dụng chuồng trại.

² Quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023

Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ PỜ TÓ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Pờ Tó, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG năm 2025 tại
Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 và Nghị quyết số 16/NQ-
HĐND ngày 01/8/2025 của HĐND xã Pờ Tó**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PỜ TÓ
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ BỐN (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 125/2025ND-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BDTTG ngày 24/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND xã về việc bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân DTTS&MN năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND xã về việc bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

Theo Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 16/10/2025 của UBND xã về việc phân bổ vốn đầu tư Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDT thiểu số &

miền núi năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG năm 2025 tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 của HĐND xã Pờ Tó, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND xã: 4.506,352 triệu đồng.

- Nội dung điều chỉnh theo Quyết định 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai: Điều chỉnh tổng thể tăng: 1.427,095 triệu đồng.

- Tổng vốn sau điều chỉnh: 5.933,447 triệu đồng.

(Chi tiết từng dự án có phụ lục 01 kèm theo)

2. Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ theo Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 01/08/2025 của HĐND xã: 1.472,0 triệu đồng.

- Nội dung điều chỉnh theo Quyết định 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai: Điều chỉnh tổng thể tăng: 600 triệu đồng.

- Tổng vốn sau điều chỉnh: 2.072 triệu đồng.

(Chi tiết từng dự án có phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã và Đại biểu HĐND xã theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND xã khóa XIII - Kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) thông qua ngày tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Đảng Ủy xã;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Lưu: VT.

Huỳnh Văn Trường

BIỂU ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN DTTS&MN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ - HĐND ngày tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Pờ Tó)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Tên dự án	Vốn đã phân bổ theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025			Nội dung điều chỉnh Tăng (+); Giảm (-) theo Quyết định 1937/QĐ-UBND tỉnh				Vốn năm 2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó		Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó			Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó				
			NSTW	NSDP		NSTW	NST	NS xã		NSTW	NST	NS xã		
	Tổng kinh phí	4.506,352	4.288,738	217,614	1.427,095	1.356,553	71,459	-0,917	5.933,447	5.645,291	71,459	216,697		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	121,0	121,0	0	0	0		0	121,0	121,0		0		
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	70,0	70,0	0					70,0	70,0		0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	51,0	51,0	0					51,0	51,0		0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tó)	87,0	87,0	0	-87,0	-87,0		0	0	0		0		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.724,3	2.643,6	80,7	224,295	147,639	71,459	5,197	2.948,595	2.791,239	71,459	85,897		
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	1.248,0	1.248,0	0	-1.248,0	-1.248,0		0	0	0		0		
3.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	1.476,3	1.395,6	80,7	1.472,295	1.395,639	71,459	5,197	2.948,595	2.791,239	71,459	85,897	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
3.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	0,0	0,0	0,0										
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	743,0	640,0	103,0	1.499,3	1.499,3	0	0	2.242,3	2.139,3	0,0	103,0		
4.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DB DTTS&MN	743,0	640,0	103,0	1.499,252	1.499,252		0	2.242,252	2.139,252		103,000	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	Danh mục theo PL 3

STT	Tên dự án	Vốn đã phân bổ theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 01/08/2025			Nội dung điều chỉnh Tăng (+); Giảm (-) theo Quyết định 1937/QĐ-UBND tỉnh				Vốn năm 2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó		Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó			Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó				
			NSTW	NSDP		NSTW	NST	NS xã		NSTW	NST	NS xã		
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	297,8	297,8	0	0	0	0	0	297,8	297,8		0		
5,2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	41,8	41,8	0	-41,8	-41,8		0	0	0		0		
5,2	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	24,0	24,0		232,0	232,0			256,0	256,0		0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tô	
5,3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	232,0	232,0	0	-232,0	-232,0		0	0	0		0		
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	298,0	272,0	26,0	0	0		0	298,0	272,0		26,0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tô	
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	72,780	70,00	2,780	-72,780	-70,000	0	-2,780	0	0	0	0		
7,1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	72,780	70,00	2,780	-72,780	-70,00		-2,780	0	0		0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tô	
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	162,472	157,338	5,134	-136,672	-133,338	0	-3,334	25,800	24,000	0	1,800		
8,1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS&MN	136,672	133,338	3,334	-136,672	-133,338		-3,334	0	0		0		
8,2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	25,80	24,00	1,80	0	0		0	25,8	24,0		1,80	Phòng Văn hóa -XH	

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PỜ TÓ**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ - HĐND ngày tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Pờ Tó)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng vốn sự nghiệp (Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 01 tháng 08 năm 2025)				Nội dung điều chỉnh Tăng (+); Giảm (-)				Vốn sau điều chỉnh năm 2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		
	Tổng cộng	1.472,0	1.337,5	-	134,5	600,0	600,0	-	-	2.072,0	1.937,5	-	134,5		
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	589,0	536,0	-	53,0	600,0	600,0			1.189,0	1.136,0	-	53,0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
2	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	145,0	131,0	-	14,0	-				145,0	131,0	-	14,0		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	145,0	131,0	-	14,0	-				145,0	131,0	-	14,0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
3	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	665,0	604,5	-	60,5	-				665,0	604,5	-	60,5		
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	437,0	398,0	-	39,0	-				437,0	398,0	-	39,0	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
3.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	228,0	206,5	-	21,5	-				228,0	206,5	-	21,5	Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	73,0	66,0	-	7,0	-				73,0	66,0	-	7,0		
4.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	40,0	36,0	-	4,0	-				40,0	36,0	-	4,0	Phòng Kinh tế	
4.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	33,0	30,0	-	3,0	-				33,0	30,0	-	3,0	Phòng Kinh tế	

Danh mục Dự án 4: Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ - HĐND ngày tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Pờ Tó)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án duy tu, sửa chữa	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô, năng lực thiết kế (1)	Kế hoạch năm 2025		Trong đó		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	NSTW	Ngân sách xã		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG				1499,252	1499,252			
01	Duy tu, sửa chữa đường bê BTXM nội thôn 5, thôn Plei du; sửa chữa hệ thống nước tập sinh hoạt trung thôn 3 và thôn Voong Boong	Các Thôn 5, thôn Plei du; Thôn 3; Thôn Voong Boong	- Thôn 5 và thôn Plei Du sửa tổng 4 tuyến: khoản L=670m, Mương thoát nước thôn 5: 150m. - Thôn 3 và Thôn Voong Boong sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung	2025	1.499,252	1.499,252		Ban quản lý các CT MTQG xã Pờ Tó	Hiện trạng: Đường BTXM đầu tư giai đoạn trước đã hư hỏng, bong tróc mặt đường gồ ghề, lề đường 2 bên bị hư hỏng do xói mòn đất lở; di chuyển gập ghềnh, ổ gà lớn, di chuyển khó khăn; - Hiện trạng: Hệ thống nước sinh hoạt tập trung 2 thôn (Thôn Voong Boong và thôn 3) đã bị hỏng. Thôn 3 giếng khoan, hệ thống điện bị hư; đã 4 tháng không có nước cấp cho nhân dân Thôn 3 (hơn 55 hộ dân dùng nước). Thôn Voong Boong hệ thống ống dẫn nước cho các hộ dân bị hỏng không cấp nước được (cho hơn 30 hộ dân). - Sửa chữa Giải quyết kiến nghị của cử tri tại xã; hoàn thiện tiêu chí số 2: Giao thông; tiêu chí 17 Sử dụng nước hợp vệ sinh.

Ghi chú: Chi tiết kế hoạch vốn dự kiến các hạng mục, cụ thể: Hạng mục Thôn 5 và thôn Plei Du sửa tổng 4 tuyến: khoản L=670m, Mương thoát nước thôn 5: 150m, số tiền: 1.160 triệu đồng; Thôn 3 và Thôn Voong Boong sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung, số tiền: 339 triệu đồng.